

Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ

C1, ngày 20 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C1**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Dương Thị Tuyết Tr - Sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Nguyễn Minh T - Sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và chung sống với nhau 2016, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố C1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 08 ngày 29/02/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chị Tr, anh T sống với nhau hòa thuận hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, nhưng đến năm 2018 vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hạnh phúc, nay vợ chồng anh, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Trung tâm hòa giải, đôi thoại tại Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị đoàn tụ nhưng không thành, vì vậy anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của vợ chồng chị Tr, anh T.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 26/5/2016; vợ chồng anh T, chị Tr thỏa thuận: Chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tấn P; anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Thỏa thuận trên của chị Tr, anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên áp dụng vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận sự thỏa thuận của vợ chồng chị Tr, anh T.

[3] Về tài sản chung: Chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T thỏa thuận chị Dương Thị Tuyết Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 26/5/2016;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi cháu Nguyễn Tấn P đủ 18 tuổi.

\* Vì lợi ích các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

*Quy định:* Kể từ ngày chị Dương Thị Tuyết Tr có đơn yêu cầu thi hành án; nếu anh Nguyễn Minh T không thi hành khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000399 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, chị Dương Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Minh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C1;
- CC THADS TP. C1;
- UBND xã C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Trương Văn Vương**